

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 6 - 2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Cương.
2. Ông Quảng Văn Tiễn.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Trần Quốc Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:

Ông Sộng Nỗ Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 70/2022/TLST – HNGĐ, ngày 14/02/2022 về việc: Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 13/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18A/QĐ - TA ngày 31/5/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1992. Nơi ĐKKHKT: Bản H, xã A, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vì Văn N, sinh năm 1990. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 11/02/2022 và bản tự khai nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày: Chị và anh Vì Văn N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện M vào ngày 23/9/2009. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, không cùng một chí hướng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị T thấy không còn tình cảm với anh N nữa, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nên có đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Vì Văn N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung là Vì Thị Thu C (sinh ngày 03/12/2009) và Vì Tâm D (sinh ngày 08/11/2004), nếu được ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không đề nghị anh Nghĩa phải cấp dưỡng nuôi con cùng.

Về D sản chung, về nợ chung: Chị và anh N không có nợ chung, D sản chung không kê khai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Do chị bận công việc nên chị đã có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Vì Văn N hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định nhưng anh N đều không có mặt để giải quyết việc ly hôn tại Tòa án, do vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N về yêu cầu giải quyết ly hôn theo đơn khởi kiện của T đối với anh.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quá trình kiểm sát việc thụ lý giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc thụ lý xây dựng hồ sơ vụ án Tòa án huyện Sông Mã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hội đồng xét xử tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm xét xử đều thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nghĩa đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với chị T, anh N là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Vì Văn N. Giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc các con chung là Vì Thị Thu C (sinh ngày 03/12/2009) và Vì Tâm D (sinh ngày 08/11/2004), anh N không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Chị T khai không có nợ chung, D sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Chị T phải nộp án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các D liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã và bị đơn có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị T được Tòa án thụ lý và giải quyết là theo đúng quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Sau khi chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn Tòa án đã thụ lý và tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, chị T không thể có mặt tại phiên tòa được vì có lý do chính đáng và đã có đơn xin xét xử vắng mặt, đối với anh Vì Văn N đã được Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng anh Nghĩa đều không có mặt nên Tòa án giải quyết theo thủ tục

chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Vì Văn N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện M vào ngày 23/9/2009 là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình 2000 xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và D liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh N đã kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc và bất đồng quan điểm sống, từ cuối năm 2019 chị T và anh N đã sống ly thân đến nay và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Anh Vì Văn N không có mặt tại Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị Lò Thị T thể hiện sự thiếu trách nhiệm, không còn quan tâm đến cuộc sống chung của gia đình và không có hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, đã sống ly thân một thời gian dài, tình cảm vợ chồng và cuộc sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc quyết định cho chị T ly hôn anh N là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị T và anh N có 02 con chung là Vì Thị Thu C (sinh ngày 03/12/2009) và Vì Tâm D (sinh ngày 08/11/2004), chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung, anh N không có ý kiến gì về việc này do vậy cần giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với thực tế và trùng với nguyện vọng của các con chung.

[4] Về D sản chung, nợ chung: Do chị T khai nhận không có nợ chung và D sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết, anh N không cho ý kiến gì do vậy Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; 58; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn, xin nuôi con chung của chị Lò Thị T đối với anh Vì Văn N .

- Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Vì Văn N.

- Giao con chung là Vì Thị Thu C (sinh ngày 03/12/2009) và Vì Tâm D (sinh ngày 08/11/2004) cho chị Lò Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Vì Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lò Thị T. Anh Vì Văn N có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc các con chung không ai được ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/000795 ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã. Chị Lò Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T, anh Vì Văn N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện Sông Mã;
- THADS huyện Sông Mã;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Nhung